

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**  
**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 - 5</b>
<b>4. Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>6 - 8</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>9</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>10 - 11</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>12 - 52</b>

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **Khái quát về Ngân hàng**

Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

### **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : +84 (029) 7386 9950
- Fax : +84 (029) 7387 7538

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch
Ông Mai Hữu Tín	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Trần Duy Huyền	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương	Thành viên
Bà Trần Tuấn Anh	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên
Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên độc lập

#### **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Trưởng ban
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên
Bà Vũ Hạnh Ngân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Thành viên





**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Trung Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Mỹ Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Quốc Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2023
Ông Đỗ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2022
Ông Trần Văn Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2022
Bà Trần Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2022
Ông Trần Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2023

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Minh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023



Số: 1.0873/23/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng TMCP Kiên Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Dũng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền



Nguyễn Hoàng Yến

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023





**NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Triệu VND

A - TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	742.817		1.046.615	
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.2	1.347.927		4.755.046	
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác		23.777.634		29.872.517	
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	V.3.1	19.779.134		29.085.727	
2. Cho vay các TCTD khác	V.3.2	3.998.500		786.790	
3. Dự phòng rủi ro		-		-	
IV. Chứng khoán kinh doanh	V.4	144.176		-	
1. Chứng khoán kinh doanh	V.4	144.176		-	
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-		-	
V. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.5	38.707		6.036	
VI. Cho vay khách hàng		44.122.736		38.020.523	
1. Cho vay khách hàng	V.6	44.702.595		38.387.339	
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.7	(579.859)		(366.816)	
VII. Hoạt động mua nợ		-		-	
1. Mua nợ		-		-	
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-		-	
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.8	7.584.875		7.087.660	
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	V.8	1.541.999		1.641.483	
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.8	6.048.842		5.452.133	
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	V.8	(5.966)		(5.956)	
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.9	500.000		500.000	
1. Đầu tư vào công ty con	V.9	500.000		500.000	
2. Vốn góp liên doanh		-		-	
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-		-	
4. Đầu tư dài hạn khác		-		-	
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-		-	
X. Tài sản cố định		1.377.333		1.401.637	
1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	652.258		691.058	
a. Nguyên giá tài sản cố định	V.10	1.093.110		1.076.711	
b. Hao mòn tài sản cố định	V.10	(440.852)		(385.653)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-		-	
a. Nguyên giá tài sản cố định		-		-	
b. Hao mòn tài sản cố định		-		-	
3. Tài sản cố định vô hình	V.11	725.075		710.579	
a. Nguyên giá tài sản cố định	V.11	819.876		794.478	
b. Hao mòn tài sản cố định	V.11	(94.801)		(83.899)	
XI. Bất động sản đầu tư		-		-	
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-		-	
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-		-	
XII. Tài sản có khác		6.429.991		1.365.596	
1. Các khoản phải thu	V.12	5.112.393		606.570	
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.13	1.097.493		655.388	
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-		-	
4. Tài sản có khác	V.14	249.409		132.942	
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(29.304)		(29.304)	
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>86.066.196</b>		<b>84.055.630</b>	

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)**

<b>B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>		<b>V.15</b>	<b>2.451.824</b>	<b>-</b>
1. Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		V.15	2.451.824	-
2. Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước			-	-
<b>II. Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>		<b>V.16</b>	<b>23.646.899</b>	<b>25.830.794</b>
1. Tiền gửi của các TCTD khác		V.16	19.623.547	25.772.472
2. Vay các TCTD khác		V.16	4.023.352	58.322
<b>III. Tiền gửi của khách hàng</b>		<b>V.17</b>	<b>52.521.563</b>	<b>51.657.081</b>
<b>IV. Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>			<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>			<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Phát hành giấy tờ có giá</b>			<b>-</b>	<b>300.000</b>
<b>VII. Các khoản nợ khác</b>			<b>2.283.833</b>	<b>1.611.653</b>
1. Các khoản lãi, phí phải trả		V.18	1.092.550	1.031.095
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả			-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		V.19	1.191.283	580.558
4. Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)			-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>80.904.119</b>	<b>79.399.528</b>
<b>VIII. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>V.20</b>	<b>5.162.077</b>	<b>4.656.102</b>
1. Vốn của TCTD			3.618.619	3.618.619
a. Vốn điều lệ		V.20	3.652.819	3.652.819
b. Vốn đầu tư XDCB			-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần			-	-
d. Cổ phiếu quỹ		V.20	(34.200)	(34.200)
e. Cổ phiếu ưu đãi			-	-
f. Vốn khác			-	-
2. Quỹ của TCTD		V.20, 21	383.022	267.530
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế		V.20	1.160.436	769.953
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			<b>86.066.196</b>	<b>84.055.630</b>



**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		7.226.798	15.964.295
Cam kết mua ngoại tệ		47.060	1.142.500
Cam kết bán ngoại tệ		705.900	1.142.500
Cam kết giao dịch hoán đổi		6.473.838	13.679.295
Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	6.938	9.042
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	257.326	334.284
6. Các cam kết khác		-	-
7. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	VIII.5	383.601	538.587
8. Nợ khó đòi đã xử lý	VIII.6	1.544.286	987.039
9. Tài sản và chứng từ khác	VIII.7	16.421.101	12.961.938

Rạch Giá, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Thị Duyên  
Người lập biểuPhạm Thị Mỹ Chi  
Kế toán trưởngTrần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**

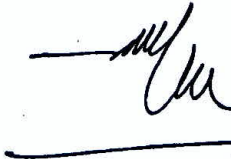
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị tính: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	5.376.251	5.449.139
2.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	3.299.576	3.527.628
I.	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>2.076.675</b>	<b>1.921.511</b>
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	397.207	246.235
4.	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	32.946	23.022
II.	<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>VI.3</b>	<b>364.261</b>	<b>223.213</b>
III.	<b>Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối</b>	<b>VI.4</b>	<b>34.981</b>	<b>28.274</b>
IV.	<b>Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
V.	<b>Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>VI.5</b>	<b>7.818</b>	<b>63.737</b>
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	VI.6	88.476	48.459
6.	Chi phí từ hoạt động khác	VI.6	5.280	16.911
VI.	<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>VI.6</b>	<b>83.196</b>	<b>31.548</b>
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.7	323	42.664
VIII.	Chi phí hoạt động	VI.8	1.411.132	1.178.744
IX.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>1.156.122</b>	<b>1.132.203</b>
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		472.393	81.647
XI.	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>683.729</b>	<b>1.050.556</b>
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	137.342	239.651
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
XII.	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>137.342</b>	<b>239.651</b>
XIII.	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>546.387</b>	<b>810.905</b>
XIV.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

Rạch Giá, ngày 30 tháng 3 năm 2023

  
Thị Duyên  
Người lập biểu

  
Phạm Thị Mỹ Chi  
Kế toán trưởng

  
Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc



**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	V.13; VI.1	4.934.146	5.860.160
02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	V.18; VI.2	(3.238.121)	(3.519.657)
03. Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được	VI.3	364.261	223.213
04. Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		42.799	92.010
05. Thu nhập khác		(2.879)	(12.420)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	VI.6	83.647	32.685
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.371.520)	(1.059.293)
08. Tiền thuế thực nộp trong kỳ	VIII.2	(173.428)	(177.874)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		<b>638.905</b>	<b>1.438.824</b>
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>			
09. (Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(641.391)	(3.705.880)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(32.671)	(6.036)
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(6.315.256)	(3.671.142)
(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất		(259.350)	(7.984)
13. các khoản		(4.557.341)	(266.343)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		-	-
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		2.451.824	-
16. Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD		(2.183.895)	16.677.191
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả tiền gửi của Kho bạc Nhà nước)		864.482	9.391.772
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)		(300.000)	(600.000)
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		-	-
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		636.277	213.108
22. Chi từ các quỹ của TCTD		(2.694)	(6.477)
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(9.701.110)</b>	<b>19.457.033</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01. Mua sắm tài sản cố định		(107.442)	(20.026)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		2.429	11.112
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	14.521
09. Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	VI.7	323	42.664
<b>II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(104.690)</b>	<b>48.271</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
01. Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(9.805.800)</b>	<b>19.505.304</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm</b>	<b>V.II</b>	<b>35.674.178</b>	<b>16.168.874</b>
<b>VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm</b>	<b>V.II</b>	<b>25.868.378</b>	<b>35.674.178</b>

Thị Duyên  
Người lập biểuPhạm Thị Mỹ Chi  
Kế toán trưởngTrần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Rạch Giá, ngày 30 tháng 3 năm 2023

# NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

#### 1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng TMCP Kiên Long, tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 9 năm 1995.
- Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Năm 2006, Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long và được chuyển đổi mô hình hoạt động từ ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

#### 2. Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng TMCP Kiên Long là ngân hàng thương mại cổ phần.

#### 3. Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là 3.652.819 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.652.819 triệu VND).

#### 4. Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một (01) hội sở chính, ba mươi mốt (31) chi nhánh và một trăm lẻ ba (103) phòng giao dịch trên toàn quốc.

#### 5. Công ty con

Ngân hàng đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long có trụ sở tại tầng 6, số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Công ty con này được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất; quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua khoản nợ từ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

## **NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng có 3.455 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.194 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam (triệu VND) khi lập Báo cáo tài chính riêng.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngân hàng áp dụng Hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc lập Báo cáo tài chính riêng được áp dụng theo Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ngân hàng cũng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động hợp nhất của Tập đoàn.

#### **3. Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp trực tiếp.



## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG

##### 1. Chuyển đổi ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó (“tỷ giá giao ngay”) tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính thì Ngân hàng dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng vào cuối kỳ kế toán năm.

##### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi tại các TCTD khác, cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

##### 3. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

###### *Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác*

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn; tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng nước ngoài.

Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài được phản ánh theo số dư trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước) và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 11/2021/TT-NHNN) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng thực hiện việc phân loại các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác dựa trên phương pháp định lượng theo các quy định trên. Việc tính dự phòng cụ thể các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng được căn cứ trên tình trạng quá hạn của nợ gốc hoặc lãi với các tỷ lệ trích lập như sau:

• Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	:	0%
• Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	:	5%
• Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	:	20%
• Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	:	50%
• Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	:	100%

###### *Cho vay các tổ chức tín dụng khác*

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới một năm.

## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng của các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng cụ thể tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác như được trình bày ở trên.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

#### 4. Chứng khoán kinh doanh

##### *Phân loại*

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

##### *Ghi nhận*

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Ngân hàng trở thành bên đối tác trong các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này.

##### *Đo lường*

Chứng khoán kinh doanh được phản ánh theo giá trị sổ sách trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Mức trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh tối đa bằng giá trị sổ sách của khoản chứng khoán đó.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh sẽ được hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm khi số dự phòng phải trích lập năm nay thấp hơn số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh đã trích lập ở báo cáo năm trước, hoặc tại các thời điểm khác khi lập Báo cáo tài chính mà Ngân hàng không còn nắm giữ bất kỳ loại chứng khoán kinh doanh nào.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Chấm dứt ghi nhận*

Chứng khoán kinh doanh được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi thu các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

#### 5. Cho vay khách hàng và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Tiền vay được ghi nhận khi Ngân hàng và khách hàng ký kết hợp đồng vay, khế ước nhận nợ và Ngân hàng giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với tổ chức và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư,....

Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là cầm cố, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Ngân hàng còn cho vay tín chấp.

##### *Phân loại các khoản cho vay khách hàng*

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN. Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19 theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07 tháng 9 năm 2021 sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

## NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro, ngoại trừ số dư nợ sau khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 03/2021/TT-NHNN và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, Ngân hàng không áp dụng nguyên tắc điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của các ngân hàng cho vay hợp vốn.

Theo quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Ngân hàng sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng (“CIC”) cung cấp để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ hàng tháng. Trường hợp nợ của khách hàng được Ngân hàng phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

#### **Dự phòng rủi ro tín dụng các khoản cho vay khách hàng**

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ dự phòng áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

• Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	:	0%
• Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	:	5%
• Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	:	20%
• Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	:	50%
• Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	:	100%

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày cuối tháng của các khoản cho vay khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày cuối tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo. Giá trị và tỷ lệ khấu trừ của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN. Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với các khoản nợ của các khách hàng khác phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng. Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó xem như bằng không.

Dự phòng cụ thể được trích lập bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19.

#### **Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro các khoản cho vay khách hàng**

Các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro sau khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay bị phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức, doanh nghiệp), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân). Các khoản nợ được xử lý rủi ro theo quyết định của Hội đồng Xử lý Rủi ro của Ngân hàng sau khi đã xem xét thấy mọi nỗ lực cần thiết để thu hồi khoản nợ, bao gồm cả các hành động pháp lý đều không có kết quả.



## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Ngân hàng chuyển khoản nợ được sử dụng dự phòng xử lý rủi ro ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng và tiếp tục theo dõi, có biện pháp để thu hồi nợ đầy đủ theo thỏa thuận đã ký với khách hàng.

#### **Các cam kết ngoại bảng**

Các cam kết ngoại bảng bao gồm: các khoản bảo lãnh, cam kết giao dịch hối đoái và cam kết trong nghiệp vụ L/C.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng và được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh trên.

Toàn bộ số dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của một khách hàng tại một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ. Đối với khách hàng có từ hai khoản nợ và/hoặc cam kết ngoại bảng trở lên tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà có bất cứ một khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng nào bị phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng khác thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phải phân loại lại các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng còn lại của khách hàng vào nhóm có mức độ rủi ro cao nhất.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Ngân hàng không cần phải lập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng.

#### **6. Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

#### **Ghi nhận chứng khoán đầu tư**

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư tại ngày khớp lệnh đối với chứng khoán niêm yết hoặc tại ngày Ngân hàng chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

#### **Chứng khoán nợ**

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính. Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn trừ khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Ngân hàng khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

## NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Ngân hàng mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

#### **Chấm dứt ghi nhận chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận tại ngày khớp lệnh bán đối với chứng khoán niêm yết hoặc Ngân hàng đã chính thức chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

#### **7. Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị được đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Ngân hàng tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

#### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận chuyển	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	05 – 10

## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Ngân hàng bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Ngân hàng đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (36 - 49 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 08 năm.

#### 10. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 11. Các tài sản có khác

##### *Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí mua sắm tài sản, xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản, sửa chữa trụ sở, xây dựng và nâng cấp phần mềm máy vi tính chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và nâng cấp.

##### *Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm*

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu chờ xử lý là những tài sản gắn nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng.

##### *Các tài sản Có khác*

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng.

Các tài sản Có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.



## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoạt động.

#### 12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khác được thể hiện theo giá gốc.

#### 13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### 14. Công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính riêng theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh được thực hiện đã ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động riêng. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động riêng mà được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

#### 15. Vốn chủ sở hữu và các quỹ

##### Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Ngân hàng phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

#### **Các quỹ dự trữ**

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các TCTD, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	<u>Trích lập hàng năm</u>	<u>Số dự tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Ngân hàng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

#### **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Ngân hàng. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận trong phần nợ phải trả của Ngân hàng.

#### **16. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng**

Tại từng thời điểm, Ngân hàng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

#### **17. Thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng khi Ngân hàng thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng khi Ngân hàng thực sự thu được.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,... là số lãi phải thu trong năm.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 18. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và các dịch vụ khác. Thu nhập phí từ các khoản bảo lãnh được ghi nhận theo phương pháp dồn tích. Thu nhập nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thu được.

#### 19. Thu nhập cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Ngân hàng được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động riêng trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 21. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Ngân hàng gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

##### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Ngân hàng có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### 22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

##### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Ngân hàng có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được ghi nhận theo giá hợp lý.

#### *Nợ phải trả tài chính khác*

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm: tiền gửi và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Ngân hàng sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### 23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Báo cáo tình hình tài chính riêng khi và chỉ khi Ngân hàng:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng.

## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 25. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp và các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con. Các bên liên kết và các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

##### 1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	701.168	975.244
Tiền mặt bằng ngoại tệ	41.649	71.371
Cộng	742.817	1.046.615

##### 2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND	1.341.428	3.007.395
Tiền gửi bằng ngoại tệ	6.499	1.747.651
Cộng	1.347.927	4.755.046

Phản ánh các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với tỷ lệ dự trữ là:

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng: 3% đối với VND, 8% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 1% đối với VND, 6% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi ở nước ngoài: 1% đối với ngoại tệ.

##### 3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

###### 3.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	4.689.334	8.624.587
Bằng VND	4.521.126	7.102.790
Bằng ngoại tệ	168.208	1.521.797
Tiền gửi có kỳ hạn	15.089.800	20.461.140
Bằng VND	14.148.600	13.126.290
Bằng ngoại tệ	941.200	7.334.850
Cộng	19.779.134	29.085.727

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**3.2 Cho vay các TCTD khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các TCTD khác	3.998.500	786.790
<i>Bằng VND</i>	3.998.500	786.790
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.998.500</b>	<b>786.790</b>

**Phân tích chất lượng nợ vay**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, tất cả các khoản tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác đều được phân loại là Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn.

**4. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Chứng khoán nợ</b>		
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành (chưa niêm yết)	144.176	-
<b>Cộng</b>	<b>144.176</b>	<b>-</b>

**5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**

	Tổng giá trị hợp đồng (theo tỷ giá hối đoái tại ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ (theo tỷ giá hối đoái tại ngày cuối năm)
<b>Số cuối năm</b>		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch hoán đổi tiền tệ)	1.692.506	21.876
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch kỳ hạn tiền tệ)	1.388.270	16.831
<b>Cộng</b>	<b>3.080.776</b>	<b>38.707</b>
<b>Số đầu năm</b>		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch hoán đổi tiền tệ)	5.467.186	6.036
<b>Cộng</b>	<b>5.467.186</b>	<b>6.036</b>

**6. Cho vay khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	44.700.596	38.380.230
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	1.999	7.109
<b>Cộng</b>	<b>44.702.595</b>	<b>38.387.339</b>

**Phân tích chất lượng nợ vay**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ đủ tiêu chuẩn	43.501.787	37.454.982
Nợ cần chú ý	355.793	206.181
Nợ dưới tiêu chuẩn	75.282	98.389
Nợ nghi ngờ	121.976	95.906
Nợ có khả năng mất vốn	647.757	531.881
<b>Cộng</b>	<b>44.702.595</b>	<b>38.387.339</b>

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****Phân tích dư nợ theo thời gian**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nợ ngắn hạn	27.619.454	22.646.432
Nợ trung hạn	10.291.949	7.864.682
Nợ dài hạn	6.791.192	7.876.225
<b>Cộng</b>	<b>44.702.595</b>	<b>38.387.339</b>

Cột “Số đầu năm” được trình bày lại dư nợ theo thời gian.

**Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Hộ kinh doanh và cá nhân	22.339.786	26.124.777
Công ty trách nhiệm hữu hạn	17.058.356	7.231.663
Công ty cổ phần	5.302.093	5.027.576
Doanh nghiệp tư nhân	2.360	3.323
<b>Cộng</b>	<b>44.702.595</b>	<b>38.387.339</b>

**Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	8.172.209	11.215.740
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	7.043.685	7.407.912
Hoạt động dịch vụ khác	18.203.288	11.981.882
Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	2.928.243	3.362.115
Hoạt động đầu tư	270.000	487.400
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	3.162.642	2.049.933
Xây dựng	4.667.549	983.802
Vận tải kho bãi	6.801	653.914
Công nghiệp chế biến, chế tạo	41.954	23.184
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	192.321	203.287
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2.000	3.035
Thông tin và truyền thông	409	422
Giáo dục và đào tạo	10.725	10.805
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	640	2.800
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	45	524
Khai khoáng	-	500
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	84	84
<b>Cộng</b>	<b>44.702.595</b>	<b>38.387.339</b>

**7. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng****Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro tín dụng**

	<b>Dự phòng chung</b>	<b>Dự phòng cụ thể</b>
Năm nay		
Số đầu năm nay	(260.629)	(106.187)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(62.756)	(409.637)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	259.350
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>(323.385)</b>	<b>(256.474)</b>



**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Dự phòng chung</u>	<u>Dự phòng cụ thể</u>
Năm trước		
Số đầu năm trước	(234.686)	(58.467)
Dự phòng rủi ro (trích lập)/hoàn nhập trong năm trước	(25.943)	(55.704)
Sử dụng dự phòng trong năm trước	-	7.984
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>(260.629)</b>	<b>(106.187)</b>
<b>Chi tiết số dư dự phòng</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng:		
Dự phòng chung	(323.385)	(260.629)
Dự phòng cụ thể	(256.474)	(106.187)
<b>Cộng</b>	<b>(579.859)</b>	<b>(366.816)</b>
<b>8. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i></b>	<b><i>1.541.999</i></b>	<b><i>1.641.483</i></b>
<i>Chứng khoán nợ</i>		
- Trái phiếu Chính phủ	348.597	447.176
- Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	397.800	400.000
- Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	795.602	794.307
<b><i>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i></b>	<b><i>(5.966)</i></b>	<b><i>(5.956)</i></b>
Dự phòng chung	(5.966)	(5.956)
<b>Cộng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>1.536.033</b>	<b>1.635.527</b>
<b><i>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)</i></b>		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
Trái phiếu Chính phủ <sup>(i)</sup>	6.048.842	5.152.133
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	-	300.000
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>6.048.842</b>	<b>5.452.133</b>
<b>Cộng chứng khoán đầu tư</b>	<b>7.584.875</b>	<b>7.087.660</b>

- <sup>(i)</sup> Trong trái phiếu Chính phủ có các loại trái phiếu với tổng mệnh giá 3.616.000 triệu VND (số đầu năm là 1.469.000 triệu VND) được Ngân hàng cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia nghiệp vụ thị trường mở, hạn mức bù trừ và hạn mức nợ ròng (xem thuyết minh số IX.5).

Biến động dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	(5.956)	-
Trích lập dự phòng trong năm	(10)	(5.956)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(5.966)</b>	<b>(5.956)</b>

**9. Đầu tư vào công ty con**

Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng TMCP Kiên Long đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 500.000.000.000 VND.

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyên	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	729.488	73.067	124.558	125.566	24.032	1.076.711
Mua trong năm	319	1.084	-	1.622	86	3.111
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	58	10.647	3.278	-	13.983
Thanh lý, nhượng bán	(186)	(437)	-	(72)	-	(695)
Phân loại lại	(601)	577	-	1.304	(1.280)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>729.020</b>	<b>74.349</b>	<b>135.205</b>	<b>131.698</b>	<b>22.838</b>	<b>1.093.110</b>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.354	13.868	43.328	45.999	9.589	117.138
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	161.498	36.753	84.929	88.023	14.450	385.653
Khấu hao trong năm	28.629	5.645	8.846	11.826	948	55.894
Thanh lý, nhượng bán	(186)	(437)	-	(72)	-	(695)
Phân loại lại	(601)	663	-	1.188	(1.250)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>189.340</b>	<b>42.624</b>	<b>93.775</b>	<b>100.965</b>	<b>14.148</b>	<b>440.852</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	567.990	36.314	39.629	37.543	9.582	691.058
<b>Số cuối năm</b>	<b>539.680</b>	<b>31.725</b>	<b>41.430</b>	<b>30.733</b>	<b>8.690</b>	<b>652.258</b>
<b>Trong đó:</b>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	686.287	97.500	10.691	794.478
Mua trong năm	-	-	175	175
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	25.223	-	25.223
Phân loại lại	-	(9.148)	9.148	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>686.287</b>	<b>113.575</b>	<b>20.014</b>	<b>819.876</b>
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	50.990	7.618	58.608
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	8.662	67.710	7.527	83.899
Khấu hao trong năm	1.821	7.928	1.153	10.902
Phân loại lại	-	(6.496)	6.496	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.483</b>	<b>69.142</b>	<b>15.176</b>	<b>94.801</b>

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Chương trình phần mềm máy tính</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	677.625	29.790	3.164	710.579
Số cuối năm	675.804	44.433	4.838	725.075
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**12. Các khoản phải thu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang <sup>(i)</sup>	65.061	7.857
Khoản phải thu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	3.972	3.822
Ký quỹ thuê văn phòng và tạm ứng hợp đồng	40.771	10.862
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	8.820	50.919
Khoản phải thu từ nghiệp vụ thẻ tín dụng và Banknetvn	856.385	480.171
Phải thu khách hàng nghiệp vụ thư tín dụng	4.020.291	-
Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế	34.136	8.739
Khoản phải thu từ bán tài sản đảm bảo của khách hàng vay	-	5.585
Phải thu khác	82.957	38.615
<b>Cộng</b>	<b>5.112.393</b>	<b>606.570</b>

<sup>(i)</sup> Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nhà cửa	4.385	4.155
Phần mềm máy vi tính	60.676	2.719
Máy móc thiết bị	-	983
<b>Cộng</b>	<b>65.061</b>	<b>7.857</b>

**13. Các khoản lãi, phí phải thu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Lãi phải thu từ tiền gửi	17.426	10.386
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	130.675	120.505
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	839.809	524.333
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	3.443	164
Phí phải thu	106.140	-
<b>Cộng</b>	<b>1.097.493</b>	<b>655.388</b>

**NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****14. Tài sản có khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí chờ phân bổ	97.470	102.530
Công cụ và dụng cụ	8.461	2.718
Chi hộ các TCTD khác	15.684	466
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý	114.869	16.258
Tài sản có khác	12.925	10.970
<b>Cộng</b>	<b>249.409</b>	<b>132.942</b>

**15. Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN**

Vay tái chiết khấu trái phiếu với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với lãi suất từ 6%/năm đến 7%/năm.

**16. Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>19.623.547</i>	<i>25.772.472</i>
Tiền gửi không kỳ hạn	4.534.147	7.041.292
<i>Bằng VND</i>	<i>4.534.147</i>	<i>7.041.292</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	15.089.400	18.731.180
<i>Bằng VND</i>	<i>14.148.200</i>	<i>13.018.680</i>
<i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>941.200</i>	<i>5.712.500</i>
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>4.023.352</i>	<i>58.322</i>
Vay các TCTD khác bằng VND	4.022.601	57.526
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	751	796
<b>Cộng</b>	<b>23.646.899</b>	<b>25.830.794</b>

**17. Tiền gửi của khách hàng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền gửi không kỳ hạn	2.054.207	7.956.452
<i>Bằng VND</i>	<i>2.043.241</i>	<i>7.911.306</i>
<i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>10.966</i>	<i>45.146</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	2.195.200	4.049.651
<i>Bằng VND</i>	<i>2.148.140</i>	<i>4.049.651</i>
<i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>47.060</i>	<i>-</i>
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	9.631	29.969
<i>Bằng VND</i>	<i>6.550</i>	<i>25.470</i>
<i>Bằng ngoại tệ và vàng</i>	<i>3.081</i>	<i>4.499</i>
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	48.240.973	39.607.262
<i>Bằng VND</i>	<i>48.194.602</i>	<i>39.523.124</i>
<i>Bằng ngoại tệ và vàng</i>	<i>46.371</i>	<i>84.138</i>
Tiền ký quỹ	21.552	13.747
<i>Bằng VND</i>	<i>20.781</i>	<i>12.600</i>
<i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>771</i>	<i>1.147</i>
<b>Cộng</b>	<b>52.521.563</b>	<b>51.657.081</b>



**NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền gửi của tổ chức kinh tế</b>	<b>2.836.670</b>	<b>10.677.849</b>
Công ty cổ phần	1.113.862	8.393.978
Công ty trách nhiệm hữu hạn	753.908	1.196.790
Doanh nghiệp tư nhân	4.549	15.205
Các đơn vị khác	964.351	1.071.876
<b>Tiền gửi của cá nhân</b>	<b>49.684.893</b>	<b>40.979.232</b>
<b>Cộng</b>	<b>52.521.563</b>	<b>51.657.081</b>

**18. Các khoản lãi, phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi phải trả cho tiền gửi	983.469	1.002.147
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	-	27.498
Lãi phải trả cho tiền vay	89.995	54
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	19.086	1.396
<b>Cộng</b>	<b>1.092.550</b>	<b>1.031.095</b>

**19. Các khoản phải trả và công nợ khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (xem thuyết minh số VIII.2)	50.127	73.391
Phải trả cho cán bộ, công nhân viên	-	27.184
Các khoản chờ thanh toán khác	1.032.271	431.941
Quỹ khen thưởng và phúc lợi <sup>(i)</sup>	47.508	9.790
Chuyển tiền phải trả	1.500	3.715
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	26.818	18.359
Phải trả khác	33.059	16.178
<b>Cộng</b>	<b>1.191.283</b>	<b>580.558</b>

<sup>(i)</sup> Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	9.790	1.096
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	38.953	8.694
Chi quỹ	(1.235)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>47.508</b>	<b>9.790</b>

**20. Vốn và quỹ của Ngân hàng****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Các quỹ của TCTD</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	3.236.958	(34.200)	254.725	402.885	3.860.368
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	810.905	810.905
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	-	-	12.805	(12.805)	-
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	415.861	-	-	(415.861)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(8.694)	(8.694)
Chuyển tiền trích lập quỹ cho Công ty con	-	-	-	(6.477)	(6.477)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>3.652.819</b>	<b>(34.200)</b>	<b>267.530</b>	<b>769.953</b>	<b>4.656.102</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Các quỹ của TCTD</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm nay	3.652.819	(34.200)	267.530	769.953	4.656.102
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	546.387	546.387
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm nay từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	-	-	115.492	(115.492)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(38.953)	(38.953)
Chuyển tiền trích lập quỹ cho Công ty con	-	-	-	(1.459)	(1.459)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>3.652.819</b>	<b>(34.200)</b>	<b>383.022</b>	<b>1.160.436</b>	<b>5.162.077</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	365.281.878	323.695.796
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	365.281.878	323.695.796
- Cổ phiếu phổ thông	365.281.878	323.695.796
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	361.481.878	319.895.796
- Cổ phiếu phổ thông	361.481.878	319.895.796
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**21. Các quỹ của Ngân hàng**

	<b>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Quỹ khác</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm trước	22.600	232.122	3	254.725
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	4.268	8.537	-	12.805
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>26.868</b>	<b>240.659</b>	<b>3</b>	<b>267.530</b>
Số dư đầu năm nay	26.868	240.659	3	267.530
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm nay từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	38.497	76.995	-	115.492
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>65.365</b>	<b>317.654</b>	<b>3</b>	<b>383.022</b>

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG****1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự**

	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi	196.275	87.932
Thu lãi cho vay	4.893.529	5.114.354
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	271.729	195.543
Thu lãi từ bảo lãnh	10.934	2.641
Thu khác từ hoạt động tín dụng	3.784	48.669
<b>Cộng</b>	<b>5.376.251</b>	<b>5.449.139</b>

**2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự**

	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	2.697.839	2.765.559
Trả lãi tiền vay	165.954	3.051
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	14.299	39.632
Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	421.484	719.386
<b>Cộng</b>	<b>3.299.576</b>	<b>3.527.628</b>

**3. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
<i>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</i>	<i>397.207</i>	<i>246.235</i>
Thu từ dịch vụ thanh toán	304.891	35.398
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	640	964
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	64.554	35.437
Thu từ dịch vụ tư vấn	-	164.673
Thu khác	27.122	9.763
<i>Chi phí hoạt động dịch vụ</i>	<i>32.946</i>	<i>23.022</i>
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	17.089	13.840
Chi về dịch vụ tư vấn	5.550	1.614
Chi về dịch vụ khác	10.307	7.568
<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>364.261</b>	<b>223.213</b>

**4. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**

	Năm nay	Năm trước
<i>Thu về hoạt động kinh doanh ngoại hối</i>	<i>487.987</i>	<i>147.813</i>
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	381.855	108.772
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	106.132	39.041
<i>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</i>	<i>453.006</i>	<i>119.539</i>
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	196.497	8.681
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	256.509	110.858
<b>Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối</b>	<b>34.981</b>	<b>28.274</b>

**5. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	29.234	72.945
Chi cho kinh doanh chứng khoán đầu tư	(21.406)	(3.252)
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(10)	(5.956)
<b>Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>7.818</b>	<b>63.737</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****6. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác**

	Năm nay	Năm trước
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	<b>88.476</b>	<b>48.459</b>
Thu từ bán tài sản gán nợ	2.429	11.283
Thu hồi các khoản nợ đã xóa	83.647	32.685
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	2.400	4.491
<i>Chi phí hoạt động khác</i>	<b>5.280</b>	<b>16.911</b>
Chi phí cho hoạt động công tác xã hội	2.091	13.014
Chi phí khác	3.189	3.897
<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>83.196</b>	<b>31.548</b>

**7. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức nhận được từ đầu tư dài hạn khác	-	1.709
Lợi nhuận sau thuế Công ty con chuyển Cộng	<b>323</b>	<b>40.955</b>
	<b>323</b>	<b>42.664</b>

**8. Chi phí hoạt động**

	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	20.175	16.031
Chi phí cho nhân viên	918.920	727.767
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	808.206	650.708
Các khoản chi đóng góp theo lương	55.822	47.606
Chi phí khác cho nhân viên	54.892	29.453
Chi về tài sản	182.318	193.008
Trong đó:		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.796	67.087
Chi phí thuê tài sản	67.230	59.665
Chi sửa chữa, bảo trì	36.966	51.199
Chi mua sắm công cụ lao động	10.927	14.832
Chi phí khác	399	225
Chi phí hoạt động quản lý và công vụ	233.041	156.164
Trong đó:		
Chi phí quảng cáo tiếp thị, khuyến mại và vật liệu văn phòng	52.886	23.475
Công tác phí	9.650	2.900
Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu	39.009	32.054
Chi phí thông tin liên lạc, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ	50.829	38.561
Chi phí đào tạo	516	191
Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	65.326	49.473
Chi phí khác	14.825	9.510
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	56.678	60.595
Chi phí dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng	-	25.179
<b>Cộng</b>	<b>1.411.132</b>	<b>1.178.744</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG****Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	742.817	1.046.615
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.347.927	4.755.046
Tiền gửi thanh toán, tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn trong vòng 3 tháng	8.687.834	9.411.377
Tiền gửi các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	15.089.800	20.461.140
<b>Cộng</b>	<b>25.868.378</b>	<b>35.674.178</b>

**VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Tình hình thu nhập của nhân viên**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng nhân viên bình quân (người)	3.311	3.124
<i>Thu nhập của nhân viên</i>		
Tổng quỹ-lương	723.374	583.981
Tiền thưởng	84.832	66.727
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>808.206</b>	<b>650.708</b>
<i>Tiền lương bình quân/tháng</i>	<u>18</u>	<u>16</u>
<i>Thu nhập bình quân/tháng</i>	<u>20</u>	<u>17</u>

**2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>
	<u>Phải nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế GTGT	2.403	37.532	(25.920)	14.015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.701	137.342	(173.428)	31.615
Các loại thuế khác	3.287	38.579	(37.369)	4.497
<b>Cộng</b>	<b>73.391</b>	<b>213.453</b>	<b>(236.717)</b>	<b>50.127</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng và thanh toán là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Ngân hàng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	683.729	1.050.556
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	3.303	190.916
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(555)
Tổng thu nhập chịu thuế	687.032	1.240.917
Thu nhập miễn thuế	(323)	(42.664)
Thu nhập tính thuế	686.709	1.198.253
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>137.342</b>	<b>239.651</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Ngân hàng được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các khoản thuế, lệ phí khác**

Ngân hàng nộp theo các quy định hiện hành.

**3. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản	59.353.993	61.386.087
Máy móc và thiết bị	136.483	451.033
Phương tiện vận tải	1.112.611	1.325.960
Cổ phiếu phát hành bởi TCTD khác	240.663	224.250
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế khác	8.911.065	2.946.538
Sổ tiết kiệm	11.729.433	6.789.952
Tài sản khác	14.815.501	12.193.968
<b>Cộng</b>	<b>96.299.749</b>	<b>85.317.788</b>

**4. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cam kết trong nghiệp vụ L/C</b>	<b>6.938</b>	<b>9.042</b>
Giá trị theo hợp đồng	7.709	13.025
Trừ: Tiền ký quỹ	(771)	(3.983)
<b>Bảo lãnh khác</b>	<b>257.326</b>	<b>334.284</b>
Giá trị theo hợp đồng	281.212	337.073
Trừ: Tiền ký quỹ	(23.886)	(2.789)

**5. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được**

Lãi cho vay chưa thu được.

**6. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	419.018	211.056
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.125.268	775.983
<b>Cộng</b>	<b>1.544.286</b>	<b>987.039</b>

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****7. Tài sản và chứng từ khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản khác giữ hộ	15.497.812	12.133.407
Tài sản thuê ngoài	-	1.499
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	923.289	827.032
<b>Cộng</b>	<b>16.421.101</b>	<b>12.961.938</b>

**8. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Ngân hàng bao gồm: công ty con, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong năm nay là 35.644 triệu VND (năm trước là 26.017 triệu VND).

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Ngân hàng với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty con</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	14.846	9.449
Chi phí thuê văn phòng	11.843	9.390
Chi phí thẩm định tài sản	6.337	5.580
Chi phí khác	-	866
Tiền chuyển công ty con để trích lập các quỹ	1.459	6.477
Lợi nhuận sau thuế của Công ty con chuyển về	323	40.955
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	173	253
Thù lao và thưởng	15.615	13.135
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	49	17
Tiền lương và thưởng	14.321	12.308
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	4	-
Thù lao và thưởng	5.708	3.397
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	1.270	5.171
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	9.997	3.762
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	84	159

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty con</b>		
Đặt cọc thuê văn phòng	1.980	2.050
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Cho vay	27	-
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Cho vay	298	-
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Cho vay	53.373	-
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Cho vay	815	-
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát</b>		
Cho vay	225	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>56.718</b>	<b>2.050</b>
<b>Công ty con</b>		
Tiền gửi từ công ty con	325.692	259.476
Lãi phải trả	5.092	3.184
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Tiền gửi	1.848	3.829
Lãi phải trả	6	3
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền gửi	4.738	16.732
Lãi phải trả	5	4
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Tiền gửi	243	220
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Tiền gửi	47.876	2.183.829
Lãi phải trả	54	1.363
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền gửi	164.291	2.731.799
Lãi phải trả	274	1.095
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát</b>		
Tiền gửi	1.408	1.808
Lãi phải trả	19	20
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>551.546</b>	<b>5.203.362</b>

## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 9. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng dư nợ tiền gửi cho vay	Tổng tiền gửi và tiền vay	Phát hành giấy tờ có giá	Các cam kết tín dụng	Chứng khoán kinh doanh	Chứng khoán đầu tư
Số cuối năm	69.828.156	78.620.286	-	288.921	144.176	7.590.841
Trong nước	69.828.156	78.620.286	-	288.921	144.176	7.590.841
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-
Số đầu năm	73.014.902	77.487.875	300.000	350.098	-	7.093.616
Trong nước	73.014.902	77.487.875	300.000	350.098	-	7.093.616
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-

## IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### 1. Tổng quan

Hoạt động của Ngân hàng phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổng thể về việc hướng dẫn, giám sát nhận định về rủi ro và đảm bảo duy trì một nền văn hóa quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trong việc xây dựng các mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Ngân hàng, bao gồm việc thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, các hạn mức rủi ro và các quy định về phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được thực hiện bởi các phòng, ban, trung tâm có liên quan theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng thực hiện công tác quản lý rủi ro hàng ngày tại Ngân hàng dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cùng với các phòng ban khác, trung tâm khai thác, Phòng Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm phát triển hệ thống quản lý rủi ro các công cụ và phương pháp luận để xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, Phòng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng chịu trách nhiệm soát xét độc lập việc quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát của Ngân hàng.

### 2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Ngân hàng không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Ngân hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng.

#### *Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng*

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ như: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; xếp hạng tín dụng; quy định về hạn mức tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Ngân hàng quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.

#### *Mức độ tập trung rủi ro của tài sản tài chính có rủi ro tín dụng*

Các tài sản tài chính phi phái sinh phân loại theo khu vực địa lý được trình bày tại thuyết minh số X.



## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**Tổng mức tối đa có rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng**

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính trên Báo cáo tình hình tài chính riêng cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác.

Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Ngân hàng:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc Báo cáo tình hình tài chính riêng</b>		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.347.927	4.755.046
Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác	23.777.634	29.872.517
Chứng khoán kinh doanh – gộp	144.176	-
Cho vay khách hàng – gộp	44.702.595	38.387.339
Chứng khoán đầu tư – gộp	7.590.841	7.093.616
Các khoản lãi, phí phải thu	1.097.493	655.388
Các tài sản tài chính khác – gộp	4.997.741	536.932
<b>Cộng</b>	<b>83.658.407</b>	<b>81.300.838</b>
<b>Mức độ rủi ro tín dụng của các tài khoản ngoại bảng</b>		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C – gộp	7.709	13.025
Bảo lãnh khác – gộp	281.212	337.073
<b>Cộng</b>	<b>288.921</b>	<b>350.098</b>

### 3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gần liền với các khoản nợ tài chính.

Chiến lược của Ngân hàng trong quản lý rủi ro thanh khoản là Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng, các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Ngân hàng đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho ngân hàng thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của Ngân hàng.

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2022 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn					Cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	742.817	-	-	-	-	742.817
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	1.347.927	-	-	-	-	1.347.927
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	19.779.134	-	3.998.500	-	-	23.777.634
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	144.176	-	-	144.176
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	38.707	-	-	-	-	38.707
Cho vay khách hàng (*)	845.015	355.793	3.226.331	4.368.835	21.185.103	9.134.707	5.586.811	44.702.595
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	397.800	795.602	6.397.439	7.590.841
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	500.000	500.000
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	606.011	259	2.437	82.939	685.687	1.377.333
Các tài sản có khác (*)	54.483	-	1.097.493	5.307.319	-	-	-	6.459.295
<b>Tổng tài sản</b>	<b>899.498</b>	<b>355.793</b>	<b>26.838.420</b>	<b>9.676.413</b>	<b>25.728.016</b>	<b>10.013.248</b>	<b>13.169.937</b>	<b>86.681.325</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	20.928.133	1.156.625	4.005.613	7.601	751	26.098.723
Tiền gửi của khách hàng	-	-	7.892.580	7.714.529	34.518.852	2.394.231	1.371	52.521.563
Các khoản nợ khác	-	-	2.283.833	-	-	-	-	2.283.833
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.104.546</b>	<b>8.871.154</b>	<b>38.524.465</b>	<b>2.401.832</b>	<b>2.122</b>	<b>80.904.119</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>899.498</b>	<b>355.793</b>	<b>(4.266.126)</b>	<b>805.259</b>	<b>(12.796.449)</b>	<b>7.611.416</b>	<b>13.167.815</b>	<b>5.777.206</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn					Cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.046.615	-	-	-	-	1.046.615
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	4.755.046	-	-	-	-	4.755.046
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	27.827.097	2.045.420	-	-	-	29.872.517
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	6.036	-	-	-	-	6.036
Cho vay khách hàng (*)	726.176	206.181	4.100.238	4.583.948	13.483.129	8.759.677	6.527.990	38.387.339
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	150.000	150.000	1.194.307	5.599.309	7.093.616
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	500.000	500.000
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	607.663	10	3.582	56.832	733.550	1.401.637
Các tài sản có khác (*)	54.510	-	655.388	685.002	-	-	-	1.394.900
<b>Tổng tài sản</b>	<b>780.686</b>	<b>206.181</b>	<b>38.998.083</b>	<b>7.464.380</b>	<b>13.636.711</b>	<b>10.010.816</b>	<b>13.360.849</b>	<b>84.457.706</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	23.727.002	2.046.898	33.498	15.000	8.396	25.830.794
Tiền gửi của khách hàng	-	-	17.352.007	11.930.375	20.547.527	1.826.319	853	51.657.081
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	300.000	-	-	300.000
Các khoản nợ khác	-	-	1.611.653	-	-	-	-	1.611.653
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42.690.662</b>	<b>13.977.273</b>	<b>20.881.025</b>	<b>1.841.319</b>	<b>9.249</b>	<b>79.399.528</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>780.686</b>	<b>206.181</b>	<b>(3.692.579)</b>	<b>(6.512.893)</b>	<b>(7.244.314)</b>	<b>8.169.497</b>	<b>13.351.600</b>	<b>5.058.178</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

---

#### 4. Rủi ro thị trường

Ngân hàng chịu rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tín dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Ngân hàng gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Ngân hàng đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn...

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Ngân hàng đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALCO nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản nợ - tài sản có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:

- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này có thể cho phép Ngân hàng có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	742.817	-	-	-	-	-	742.817
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	1.347.927	-	-	-	-	-	1.347.927
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	19.779.134	-	1.000.000	2.998.500	-	-	23.777.634
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	144.176	-	-	144.176
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	38.707	-	-	-	-	-	38.707
Cho vay khách hàng (*)	1.200.808	-	3.226.331	4.368.835	4.818.056	16.367.047	9.134.707	5.586.811	44.702.595
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	397.800	795.602	6.397.439	7.590.841
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	500.000	-	-	-	-	-	-	500.000
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.377.333	-	-	-	-	-	-	1.377.333
Các tài sản có khác (*)	54.483	6.404.812	-	-	-	-	-	-	6.459.295
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.255.291</b>	<b>8.282.145</b>	<b>25.134.916</b>	<b>4.368.835</b>	<b>5.818.056</b>	<b>19.907.523</b>	<b>9.930.309</b>	<b>11.984.250</b>	<b>86.681.325</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	20.928.133	1.156.625	1.005.613	3.000.000	7.601	751	26.098.723
Tiền gửi của khách hàng	-	-	7.892.580	7.714.529	20.139.778	14.379.074	2.394.231	1.371	52.521.563
Các khoản nợ khác	-	2.283.833	-	-	-	-	-	-	2.283.833
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>2.283.833</b>	<b>28.820.713</b>	<b>8.871.154</b>	<b>21.145.391</b>	<b>17.379.074</b>	<b>2.401.832</b>	<b>2.122</b>	<b>80.904.119</b>
<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng</b>	<b>1.255.291</b>	<b>5.998.312</b>	<b>(3.685.797)</b>	<b>(4.502.319)</b>	<b>(15.327.335)</b>	<b>2.528.449</b>	<b>7.528.477</b>	<b>11.982.128</b>	<b>5.777.206</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	1.046.615	-	-	-	-	-	-	1.046.615
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	4.755.046	-	-	-	-	-	4.755.046
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	27.827.097	2.045.420	-	-	-	-	29.872.517
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	6.036	-	-	-	-	-	6.036
Cho vay khách hàng (*)	932.357	-	4.100.238	4.583.948	5.299.743	8.183.386	8.759.677	6.527.990	38.387.339
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	150.000	-	150.000	1.194.307	5.599.309	7.093.616
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	500.000	-	-	-	-	-	-	500.000
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.401.637	-	-	-	-	-	-	1.401.637
Các tài sản có khác (*)	54.510	1.340.390	-	-	-	-	-	-	1.394.900
<b>Tổng tài sản</b>	<b>986.867</b>	<b>4.288.642</b>	<b>36.688.417</b>	<b>6.779.368</b>	<b>5.299.743</b>	<b>8.333.386</b>	<b>9.953.984</b>	<b>12.127.299</b>	<b>84.457.706</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	23.727.002	2.046.898	26.465	7.033	15.000	8.396	25.830.794
Tiền gửi của khách hàng	-	-	17.352.007	11.930.375	10.328.911	10.218.616	1.826.319	853	51.657.081
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	300.000	-	-	300.000
Các khoản nợ khác	-	1.611.653	-	-	-	-	-	-	1.611.653
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>1.611.653</b>	<b>41.079.009</b>	<b>13.977.273</b>	<b>10.355.376</b>	<b>10.525.649</b>	<b>1.841.319</b>	<b>9.249</b>	<b>79.399.528</b>
<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất:</b>									
- nội bảng	986.867	2.676.989	(4.390.592)	(7.197.905)	(5.055.633)	(2.192.263)	8.112.665	12.118.050	5.058.178

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các ngoại tệ khác.

Chiến lược của Ngân hàng trong quản lý rủi ro tiền tệ là đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra, Ngân hàng còn sử dụng các công cụ khác như: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Ngân hàng đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
<b>Tài sản</b>				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	35.279	3.640	2.730	41.649
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6.499	-	-	6.499
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	1.096.267	4.733	8.408	1.109.408
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(3.042.069)	-	-	(3.042.069)
Cho vay khách hàng (*)	138.838	-	-	138.838
<b>Tổng tài sản</b>	<b>(1.765.186)</b>	<b>8.373</b>	<b>11.138</b>	<b>(1.745.675)</b>
<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	941.951			941.951
Tiền gửi của khách hàng	106.512	1.642	95	108.249
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.048.463</b>	<b>1.642</b>	<b>95</b>	<b>1.050.200</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>(2.813.649)</b>	<b>6.731</b>	<b>11.043</b>	<b>(2.795.875)</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>(2.813.649)</b>	<b>6.731</b>	<b>11.043</b>	<b>(2.795.875)</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
<b>Tài sản</b>				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	64.641	2.248	4.482	71.371
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.747.650	-	-	1.747.650
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	8.821.021	2.985	819.431	9.643.437
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(5.461.150)	-	-	(5.461.150)
Cho vay khách hàng (*)	201.206	-	-	201.206
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.373.368</b>	<b>5.233</b>	<b>823.913</b>	<b>6.202.514</b>
<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	5.713.295	-	-	5.713.295
Tiền gửi của khách hàng	130.847	1.032	50.896	182.775
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>5.844.142</b>	<b>1.032</b>	<b>50.896</b>	<b>5.896.070</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>(470.774)</b>	<b>4.201</b>	<b>773.017</b>	<b>306.444</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>(470.774)</b>	<b>4.201</b>	<b>773.017</b>	<b>306.444</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

**5. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng đang thế chấp các giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với giá trị 3.616.000 triệu VND (số đầu năm là 1.469.000 triệu VND) (xem thuyết minh số V.8).

**Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.3. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

**6. Tài sản và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	742.817	-	1.046.615	-
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.347.927	-	4.755.046	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	23.777.634	-	29.872.517	-
Chứng khoán kinh doanh	144.176	-	-	-
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	38.707	-	6.036	-
Cho vay khách hàng	44.702.595	(579.859)	38.387.339	(366.816)
Chứng khoán đầu tư	7.590.841	(5.966)	7.093.616	(5.956)
Các khoản lãi, phí phải thu	1.097.493	-	655.388	-
Các tài sản có khác	5.361.802	(29.304)	536.932	(29.304)
<b>Cộng</b>	<b>84.803.992</b>	<b>(615.129)</b>	<b>82.353.489</b>	<b>(402.076)</b>

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)*****Nợ phải trả tài chính***

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền gửi và vay các TCTD khác	26.098.723	25.830.794
Tiền gửi của khách hàng	52.521.563	51.657.081
Phát hành giấy tờ có giá	-	300.000
Các khoản lãi, phí phải trả	1.092.550	1.031.095
Các khoản nợ khác	1.093.648	470.193
<b>Cộng</b>	<b>80.806.484</b>	<b>79.289.163</b>

***Giá trị hợp lý***

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa xác định được vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán của các TCTD Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

## X. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### 1. Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin về kết quả hoạt động của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Ngân hàng như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>I. Thu nhập</b>	<b>1.035.565</b>	<b>628.603</b>	<b>834.608</b>	<b>787.415</b>	<b>6.049.557</b>	<b>5.451.144</b>	<b>(1.540.252)</b>	<b>(859.907)</b>	<b>6.379.478</b>	<b>6.007.255</b>
1. Thu nhập lãi	892.232	587.949	783.311	741.766	5.240.960	4.979.331	(1.540.252)	(859.907)	5.376.251	5.449.139
Thu nhập lãi khách hàng bên ngoài	990.688	344.656	571.355	597.184	3.814.208	4.507.299	-	-	5.376.251	5.449.139
Thu nhập lãi nội bộ	(98.456)	243.293	211.956	144.582	1.426.752	472.032	(1.540.252)	(859.907)	-	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	128.318	37.897	45.113	44.372	223.776	163.966	-	-	397.207	246.235
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	15.015	2.757	6.184	1.277	584.821	307.847	-	-	606.020	311.881
<b>II. Chi phí</b>	<b>639.227</b>	<b>453.766</b>	<b>733.091</b>	<b>689.945</b>	<b>5.391.290</b>	<b>4.591.248</b>	<b>(1.540.252)</b>	<b>(859.907)</b>	<b>5.223.356</b>	<b>4.875.052</b>
1. Chi phí lãi	537.365	376.135	548.787	525.417	3.753.676	3.485.983	(1.540.252)	(859.907)	3.299.576	3.527.628
Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài	343.875	356.457	474.295	479.949	2.481.406	2.691.222	-	-	3.299.576	3.527.628
Chi phí lãi từ nội bộ	193.490	19.678	74.492	45.468	1.272.270	794.761	(1.540.252)	(859.907)	-	-
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	903	983	7.969	8.155	57.924	57.949	-	-	66.796	67.087
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	100.959	76.648	176.335	156.373	1.579.690	1.047.316	-	-	1.856.984	1.280.337
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	396.338	174.837	101.517	97.470	658.267	859.896	-	-	1.156.122	1.132.203
Chi phí dự phòng rủi ro	112.906	27.375	63.073	7.271	296.414	47.001	-	-	472.393	81.647
Kết quả kinh doanh bộ phận	283.432	147.462	38.444	90.199	361.853	812.895	-	-	683.729	1.050.556

## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Ngân hàng như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Tài sản	6.576.196	5.241.749	9.318.453	6.434.940	70.171.547	72.378.941	-	-	86.066.196	84.055.630
1. Tiền mặt	61.720	99.638	121.839	177.990	559.258	768.987	-	-	742.817	1.046.615
2. Tài sản cố định	2.972	3.488	243.230	250.264	1.131.131	1.147.885	-	-	1.377.333	1.401.637
3. Tài sản khác	6.511.504	5.138.623	8.953.384	6.006.686	68.481.158	70.462.069	-	-	83.946.046	81.607.378
II. Nợ phải trả	6.292.765	12.186.420	9.280.010	7.518.534	65.331.344	59.694.574	-	-	80.904.119	79.399.528
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	6.238.812	12.184.206	9.277.753	7.516.765	64.196.271	59.117.999	-	-	79.712.836	78.818.970
2. Nợ phải trả khác	53.953	2.214	2.257	1.769	1.135.073	576.575	-	-	1.191.283	580.558

## 2. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Ngân hàng chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực tài chính ngân hàng.

## NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

## XI. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	53.483	44.141
Trong vòng 2 đến 5 năm	111.630	122.500
Trên 5 năm	18.739	35.533
Cộng	183.852	202.174

## XII. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Rạch Giá, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập

Thị Duyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát

Phạm Thị Mỹ Chi  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

